

NHỮNG ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA ĐỒN CA TÀI TỬ NAM BỘ

Basic characteristics of Southern Traditional Music

Đỗ Quốc Dũng¹

¹Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An, Tây Ninh, Việt Nam
do.dung@daihoclongan.edu.vn

Tóm tắt — Đờn ca Tài tử Nam Bộ là loại hình âm nhạc truyền thống Nam Bộ có nguồn gốc âm nhạc từ nhạc Cung đình Huế, đó là loại hình âm nhạc ngũ cung Việt Nam thang 5 âm: Hồ, Xự, Xang, Xê, Cống. Sau đó, nhạc Lễ cung đình vào Nam Bộ biến thể thành dòng nhạc Tài tử và có hình thức diễn đạt gọi là Đờn ca Tài tử (ĐCTT). Dòng nhạc này, trong quá trình phát triển gắn liền với đời sống văn hóa của cư dân Nam Bộ nên nó có những đặc trưng cơ bản hình thành như tính cách của chủ nhân... Bài viết này sẽ giới thiệu những đặc trưng cơ bản của Đờn ca Tài tử Nam Bộ.

Abstract — Southern Traditional Music (ĐCTT) is a traditional music genre of the South origin is from Hue Royal Court music, which is a Vietnamese pentatonic music genre with 5 sounds: Ho, Xu, Xang, Xe, Cong. Later, the Royal Court music in the South transformed into the Tai tu music genre and had a form of expression called ĐCTT. This music genre, in the process of development closely linked with the cultural life of the Southern residents, has formed basic characteristics such as the personality of the owner... This article will introduce the basic characteristics of Southern Traditional Music.

Từ khóa — Đờn ca Tài tử Nam Bộ (Southern Vietnamese folk music), tính chất (characteristics), loại hình (types), truyền thống (traditions).

1. Giới thiệu

Đờn ca Tài tử (ĐCTT) có nguồn gốc âm nhạc từ nhạc Cung đình Huế còn gọi là nhạc Lễ cung đình, đó là loại hình âm nhạc ngũ cung Việt Nam thang 5 âm: Hồ, Xự, Xang, Xê, Cống và được Viện Hàn lâm Khoa học Âm nhạc Việt Nam công nhận là Quốc nhạc (tức là nhạc bác học). Sau đó, nhạc Lễ cung đình vào Nam Bộ biến thể thành nhạc Tài tử và ĐCTT; loại hình này đã được Tổ chức UNESCO vinh danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện nhân loại (2013).

Ban đầu, dòng nhạc này được cư dân khai hoang mở đất. Họ lấy nhạc sinh hoạt làm niềm vui trong đời sống tinh thần mang tính dân gian. Tuy dòng nhạc này đã được các nghệ nhân tiền bối hệ thống lý thuyết về bài bản, hơi điệu, nhịp thức cho ca cầm; nhưng rất tiếc điều đó chỉ được truyền miệng mà không có văn bản ghi chép, hệ thống; vì thời đó chưa có nhà nghiên cứu, nhà khoa học về lĩnh vực này nên dòng nhạc này vẫn mang tính dân gian. Hơn nữa, ngày xưa với quan niệm “xương ca vô loại” nên các văn sĩ cũng như nhà nghiên cứu không quan tâm ghi chép và nghiên cứu.

Mãi đến sau này, vào khoảng thập niên 60, 70 trước năm 1975, Sài Gòn có Trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ, sau năm 1975 thành Nhạc Viện TP Hồ Chí Minh. Nhạc Viện có Khoa Âm nhạc dân tộc, trong đó có bộ môn giảng dạy nhạc cụ và dòng nhạc ĐCTT. Khoa này đầu tiên có nhạc sư

Nguyễn Văn Thịnh (mất năm 1993), kế đó là nhạc sĩ - Nhà giáo ưu tú Nguyễn Văn Đồi, nhạc sĩ - Thạc sĩ Huỳnh Khải, nhạc sĩ - Tiến sĩ Hải Phượng... cũng là lúc dòng nhạc ĐCTT được hệ thống lý luận khoa học và có những công trình nghiên cứu với nhiều góc độ khác nhau. Do công việc giảng dạy nên các nhạc sĩ giảng viên chỉ nghiên cứu trong phạm vi chuyên môn của mình, những bài nghiên cứu khác trong các hội thảo âm nhạc hoặc đăng trên báo chí thì nghiên cứu nhiều góc cạnh; tuy nhiên, chưa thấy một bài viết hay công trình nào nghiên cứu chuyên sâu về lý luận tính dân gian và bác học của ĐCTT; có chăng chỉ đề cập một cách khái quát tính chất của loại hình từ nhạc Cung đình Huế - Quốc nhạc và tính thánh phòng của nó.

Hội thảo quốc tế về ĐCTT được tổ chức tại TP Hồ Chí Minh năm 2011, do Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch, Tổ chức UNESCO tại Việt Nam và Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh đồng tổ chức, có 8 quốc gia trên thế giới tham dự (kể cả Việt Nam); trong đó có phát biểu của cố GS. TS Trần Văn Khê – chuyên gia âm nhạc của UNESCO trong Hội đồng Hội thảo khẳng định: “ĐCTT là dòng nhạc truyền thống Nam Bộ vừa mang tính dân gian và vừa mang tính bác học...”. Nhưng vấn đề chuyên sâu chưa được nghiên cứu một cách khoa học, đó là sự bỏ ngỏ của các nhà nghiên cứu về dòng nhạc ĐCTT và bài viết này tiếp tục nghiên cứu lý luận tính dân gian và bác học của ĐCTT.

<https://doi.org/10.63783/dla.2025.051>

Ngày nộp bài: 08/08/2025; Ngày nhận bản chỉnh sửa: 21/09/2025; Ngày duyệt đăng: 24/09/2025

2. Tiến trình hình thành Đờn ca Tài tử Nam Bộ

2.1. Từ nhạc Cung đình Huế đến nhạc Lễ Nam Bộ

Nhạc lễ Nam Bộ là loại nhạc chuyên phục vụ cho các nghi thức quan trọng, hôn lễ, tang lễ, cúng tế. Bắt nguồn từ nhạc lễ cung đình xưa, miền Bắc, một số tỉnh miền nam Trung Hoa. Là một dạng nhạc truyền thống âm nhạc Phật giáo.

Theo chân những người khẩn hoang lập nghiệp, khai phá vùng đất mới phương Nam, nhã nhạc cung đình Huế mà họ mang theo đã giao thoa với nền văn hóa bản địa và hình thành nhạc lễ Nam bộ - một thể loại âm nhạc đặc trưng của đất và người nơi đây. Nhạc lễ giữ vai trò chủ đạo, thịnh hành trong hầu hết các sinh hoạt đời sống của người dân Nam bộ có đến hàng trăm năm.

Ngày nay chủ yếu trong các Đình miếu và lễ tang. Tất cả các bài về Nhạc lễ Nam Bộ rất khó về ký âm. Cùng với nhiều nhạc cụ đi liền bài, phù hợp với nội dung cúng tế. Ngày nay tính sáng tạo các bài và các nhạc cụ dòng nhạc này vẫn đang được phát huy.

Căn cứ vào các tài liệu thu thập và qua tìm hiểu trao đổi với các nghệ nhân ĐCTT lão thành về nguồn gốc ĐCTT Nam Bộ đều bắt đầu từ nhạc Cung đình Huế. Nghĩa là nhã nhạc Cung đình Huế truyền vào Nam bằng hai con đường:

1) Do một số quan nhạc triều Nguyễn vào Nam rồi truyền dạy nhạc cho học trò.

2) Do một số sĩ tử trong Nam ra Huế học tập để thi cử (hội, hương, đình) rồi học được nhạc cung đình mang về Nam truyền dạy học trò.

Tiêu biểu cho nguyên nhân (1) đó là nhạc sư Nguyễn Quang Đại là một quan nhạc triều Nguyễn theo Phong trào Cần Vương vào Nam chống Pháp (1885), ông mang dòng nhạc này vào Nam truyền dạy (dạy ở Cần Đước – Long An lâu nhất). Đầu tiên là nhạc Lễ Cung đình Huế được cải tiến thành nhạc Lễ Nam Bộ, từ nhạc Lễ Nam Bộ cải tiến một bước thành nhạc Tài tử Nam Bộ (NTTNB), sáng tác lời ca thành phong trào ĐCTT Nam Bộ.

Đờn ca Tài tử Nam Bộ hay nói gọn là Đờn ca Tài tử (ĐCTT); đó là một loại hình nghệ thuật dân gian đặc trưng của vùng đất Nam Bộ, đã được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (2013).

Khi một dòng nhạc mới xuất hiện ở Nam Bộ cũng là lúc cư dân tứ xứ tập trung khai hoang mở đất và lập làng xã ở vùng đất mới này. Không lâu, triều Nguyễn cho các làng thành lập đình để thờ

Thành hoàng Bồn Cảnh thì trong mỗi đình có một đội nhạc Lễ với nhiệm vụ phục vụ lễ lạt hàng năm và nghênh đón vua quan mỗi khi vào Nam kinh lý. Vốn các đội nhạc do một quan nhạc triều đình đứng đầu và dòng nhạc được sử dụng là nhã nhạc Cung đình Huế. Tuy nhiên, các quan nhạc khi vào Nam có cải tiến hơi điệu âm nhạc một số bài bản cho phù hợp với miền đất mới và cư dân Nam Bộ, gọi là nhạc Lễ Nam Bộ.

Từ nhạc Lễ Nam Bộ, các nhạc sư, nghệ nhân chỉnh lý hơi điệu, cộng với hò, lý Nam Bộ và cả một số bài bản ca nhạc Huế rồi sáng tác lời ca thành ĐCTT. Nghệ thuật ĐCTT không ngừng được sáng tạo nhờ tính ngẫu hứng, biến hóa lòng bản theo cảm xúc, trên cơ sở của 20 bài gốc (bài Tổ) theo 4 điệu thức, gồm 6 bài Bắc (diễn tả sự vui tươi, phóng khoáng), 7 bài Hạ (dùng trong tế lễ, có tính trang nghiêm), 3 bài Nam (diễn tả sự an nhàn, thanh thoát) và 4 bài Oán (diễn tả cảnh đau buồn, chia ly).

Sau biến cố Kinh đô Huế thất thủ năm 1885 của triều đình Hàm Nghi, ông Nguyễn Quang Đại cùng nhiều quan lại, dân lính triều đình chạy về phương Nam lánh nạn, với vốn ca nhạc Huế sẵn có ông đã cải biên một số bài bản trở thành đặc trưng âm nhạc Nam Bộ và tạo nên phong trào ĐCTT ở miền Đông do ông đứng đầu, mà Long An là điểm sáng về ĐCTT của miền Đông. Còn nhóm miền Tây (Vĩnh Long, Sa Đéc, Mỹ Tho) do ông Trần Quang Quờn đứng đầu, nhóm Bạc Liêu, Rạch Giá do ông Lê Tài Khi (1862-1924) quê ở Bạc Liêu đứng đầu và ông được tôn là hậu tổ nhạc Khi.

2.2. Từ nhạc Lễ Nam Bộ đến Đờn ca Tài tử Nam Bộ

Sau nhiều năm, ông Nguyễn Quang Đại (Ba Đợi), Trần Quang Quờn, nhạc Khi và nhiều nghệ nhân khác ở Nam Bộ đã cải biên, sáng tạo bổ sung một số bài từ điệu thức Bắc, Nam. Đặc biệt điệu thức Oán chánh, Oán phụ là hoàn toàn do những người sống ở vùng đất Nam Bộ sáng tạo nên. Tất cả các bài bản được cải biên, sáng tạo bổ sung đều thể hiện được tính đặc trưng Nam Bộ. ĐCTT ra đời vào những thập niên cuối của thế kỷ XIX (khoảng năm 1885).

Ban đầu ở Nam Bộ, dòng nhạc xuất hiện đầu tiên là nhạc Lễ có nguồn gốc từ nhạc Lễ Cung đình Huế. Nhạc Lễ Cung đình Huế với chức năng chính là phục vụ cho quan, hôn, tang, tế. Khi vào Nam Bộ nó được các nhạc sư, nghệ nhân cải tiến thành nhạc Lễ Nam Bộ và chức năng chính phục vụ cho các lễ hội của đình làng. Ban đầu dàn nhạc được cấu trúc gồm hai phe: Phe Văn và phe Võ. Phe Võ gồm các nhạc khí bộ gõ (các loại trống, mõ, chập

chõa, não bặt, đầu, sừng trâu, bông...; các loại kèn: Đại, trung, tiêu. Phe Văn gồm các nhạc khí dây kéo như: Cò lòn, cò liú, cò dương và đàn gáo. Sau đó dàn nhạc Lễ được cải tiến và bổ sung, phe Văn có thêm đàn tranh, tỳ bà, kìm, độc huyền, tiêu, sáo... và được phục vụ rộng rãi trong các dịp lễ lạt đình đám; tiệc tùng, tang tế ở các gia đình khá giả... Từ đó phong trào “đờn cây” xuất hiện tạo tiền đề cho ĐCTT Nam Bộ cũng như ĐCTT hình thành ở Long An.

Dàn nhạc Tài tử thường có 4 cây (Tứ tuyệt) là: kìm, cò, tranh, độc huyền; và một song lang do nghệ nhân đờn kìm giữ nhịp trường canh làm chuẩn cho dàn nhạc. Sau đó, dàn nhạc có thêm tiêu, sáo, tỳ bà... Đến giữa đầu thế kỷ XX, dàn nhạc Tài tử được bổ sung thêm một số nhạc cụ Cải lương như: Sến, ghi ta phím lõm, violon...

Ban đầu các hương nhạc cũng như các nghệ nhân nhạc Lễ Nam Bộ, với nhiệm vụ chính của họ là phục vụ đình đám, lễ hội hằng năm thì còn rất nhiều thời gian nhàn rỗi. Lúc đó, họ không có công việc gì khác, cũng như nhu cầu giải trí của đời sống văn hóa, do đó họ lấy nhạc để làm vui, chơi đờn và truyền nghề cho những ai yêu thích ca cầm.

Khi nhạc Lễ Nam Bộ tương đối định hình; ngay sau đó, các nghệ nhân kết hợp với các giai điệu ca dao, hò, lý, hát ru trong dân gian Nam Bộ trên cơ sở thang âm của nhạc ngũ cung mà sáng chế thêm, hoặc cải tiến từ các thể điệu của nhạc Lễ; thêm vào đó là các làn sóng di dân vào Nam như đã nói trên, các nghệ nhân, sĩ tử kết hợp với ca nhạc Huế mà họ mang từ đất kinh kỳ vào rồi chỉnh lý, sáng tác lời ca mới cho các thể điệu thành một dòng nhạc mới, đó là dòng nhạc Tài tử Nam Bộ (NTTNB), mà hình thức diễn xướng diễn tấu của nó gọi là “Đờn ca Tài tử Nam Bộ”. Có thể nói, Nam Bộ là một vùng đất vốn trù phú và đầy sông nước hữu tình nên ĐCTT Nam Bộ cũng có tính chất lãng mạn, trữ tình, phóng khoáng như phong thái của chủ nhân nó, bởi “Nhạc là nhân, văn cũng là nhân” là vậy.

Cũng cần nói rõ thêm, nhạc Lễ Nam Bộ có tính chất hùng tráng, trang nghiêm chỉ diễn tấu không có lời ca trong các thể điệu, nên gọi là “khí nhạc” được dùng trong các đại lễ. Còn NTTNB, bất cứ thể điệu (bài bản) nào cũng có lời ca, do các nghệ nhân xuất thân từ nhạc Lễ hoặc ca nhạc Huế cải tiến viết lời và hầu hết thời kỳ đầu ít lưu lại bút danh (khuyết danh). Như vậy, NTTNB là dòng nhạc có nguồn gốc từ nền tảng của nhạc Lễ Nam Bộ, thêm một bước phát triển của loại âm nhạc Ngũ cung Việt Nam và có lời ca. Nói tóm lại, NTTNB là “con đẻ” hay gọi phát sinh của nhạc Lễ Nam Bộ để định hình loại hình ĐCTT, nó có mối

quan hệ họ hàng với nhạc Cung đình và ca nhạc Huế và là sự thể hiện đặc biệt của loại hình âm nhạc Ngũ cung Việt Nam.

ĐCTT là sản phẩm văn hóa phi vật thể của Nam Bộ, vừa mang tính bác học, vừa mang tính dân gian gắn liền với mọi sinh hoạt cộng đồng dân cư Nam Bộ, được cải biên từ nhạc Cung đình Huế và sáng tác mới trên nền tảng âm nhạc dân ca, hát đối, hò vè của vùng đất Nam Bộ.

ĐCTT là tinh hoa của nghệ thuật dân tộc, gắn bó với đời sống của người dân Nam Bộ, từ những ngày đầu mở đất, là hơi thở, là tiếng lòng, là sức sống mãnh liệt của những con người trọng nghĩa khinh tài, đậm tính nhân văn của vùng văn hóa sông nước, giàu hoa trái và trí dũng Nam Bộ.

Tóm lại:

- Âm nhạc Tài tử

Ngữ nghĩa của âm nhạc Tài tử được hiểu theo hai cách: Ban đầu là từ “nhạc Tài tử” là tên gọi để chỉ dòng nhạc không chuyên (amateur) dành cho những người nhàn rỗi tiêu khiển; kế đó, từ “Tài tử” để chỉ dòng nhạc dành cho những người tài năng sử dụng, vào thời kì vùng đất mới khai hoang ở Nam bộ. Nam đờn giỏi thì ví như là Tài tử; nữ ca hay, có chất giọng đẹp trong trẻo, ngọt ngào ví như giai nhân; Tài tử sánh với giai nhân thành tri âm – tri kỉ và đây cũng là tính chất biểu đạt đặc thù của dòng nhạc này. Như vậy, âm nhạc Tài tử là một dòng nhạc xuất hiện ở Nam Bộ, chủ nhân là những người nhàn rỗi, phong lưu, có tài ca cầm đầy tính phóng khoáng, lãng mạn với nhau tâm đầu ý hợp.

- Đờn ca Tài tử

Đờn ca là từ ghép đẳng lập, là hai động ngữ biểu đạt cho động thái của người ca và người đờn nào đó. Đờn và ca đều là thanh nhạc; đờn thuộc về nhạc và nhịp; ca thuộc về hơi giọng và âm giọng; Tài tử ở ngữ cảnh này là chỉ tên của dòng nhạc đã nói trên. Nói cách khác, ĐCTTNB là người đờn và người ca cùng tiến hành hai động thái diễn tấu và diễn xướng, gọi chung là hoà ca một thể điệu nào đó của dòng nhạc này. Như vậy, cần tách bạch rằng, nhạc Tài tử là một dòng nhạc, còn đờn ca Tài tử là hình thức biểu đạt các đặc thù của dòng nhạc Tài tử.

3. Tính, dân gian và bác học trong Đờn ca Tài tử Nam Bộ

3.1. Tính dân gian trong Đờn ca Tài tử

Theo Từ điển Tiếng Việt, dân gian là đông đảo người dân trong xã hội. Mở rộng khái niệm này, thuật ngữ còn chỉ một không gian và thời gian rộng lớn không giới hạn mà con người sinh sống

và hoạt động. Cũng từ đây, thuật ngữ dân gian được kèm theo với các thuật ngữ chuyên ngành khác như văn hóa dân gian, văn học dân gian, tranh dân gian, múa dân gian, âm nhạc dân gian... để chỉ các tác phẩm nghệ thuật do quần chúng nhân dân sáng tạo mà không rõ tác giả chính thức là ai. Căn cứ khái niệm trên để nghiên cứu về tính dân gian của ĐCTT, đó là quá trình sáng tạo và thụ hưởng của quần chúng bằng phương thức truyền miệng từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nghĩa là từ tính tự phát và tự giác, tự sản tự tiêu trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng.

3.1.1. Tính tự phát và tự giác:

Bất cứ loại hình nghệ thuật nào ban đầu cũng xuất phát từ ngoài dân gian, từ sự tự phát, tự giác mà hình thành; từ sự sáng tạo của cá nhân đến tập thể và lan rộng trong cộng đồng. ĐCTT cũng không tách khỏi qui luật đó. Mọi phong trào hoạt động trong xã hội đều do hai yếu tố hình thành, tính tự phát và tự giác; trong đó, tính tự giác là mang tính chất nền tảng. Tính tự phát là động cơ hàng đầu để con người sáng tạo nghệ thuật, khám phá khoa học và là điều kiện sinh tồn xã hội.

Ở ĐCTT xuất phát ban đầu cũng từ quy luật này. Nhờ sự tự phát, Nam Bộ đã phát sinh ra dòng nhạc mới – nhạc Tài tử. Tuy sự phát sinh ra một thực thể, tất nhiên ban đầu nó còn chất phác và rời rạc, nhưng sau đó từng bước nó sẽ hoàn thiện hơn từ sự tác động của tự giác. Như nhạc Tài tử ban đầu chỉ một số bài bản được chỉnh lý hơi điệu từ nhạc Lễ, dần dần nhiều cá nhân và tập thể tự giác chỉnh sửa, bổ sung, từ các bài bản (thể điệu) đến nội dung ca từ của nhạc Tài tử nâng lên cả lượng lẫn chất phong phú hơn... Các nghệ nhân tiên phong sáng tạo bằng tinh thần tự giác mà không cần nhu cầu về danh lợi cho mình, hoặc không có một thể chế, luật pháp nào quy ước hay bắt buộc họ phải làm việc đó.

Về tính tự phát và tự giác với những bài bản, sáng kiến nêu trên đến nay vẫn còn nguyên giá trị sử dụng trong ĐCTT. Tính tự phát và tự giác rất thoải mái tự do, không bị ràng buộc bởi không gian và thời gian. Ở đâu cũng đờn ca được, dù ở những tiệm tùng sang trọng hay đơn giản ở một bình trà, vài xị rượu đề với trái me hay khế, ổi...; có bạn đờn ca tâm đầu ý hợp thì hơn hẳn rượu, thức ăn ngon. Địa điểm đờn ca là mọi lúc, mọi nơi không kể đêm hay ngày, nắng hay mưa, trưa hay chiều; có lúc trong nhà, ngoài sân, dưới ghe, trên bờ, dưới gốc cây, nơi công cộng... Đối tượng tham gia không phân biệt: Giàu sang, nghèo hèn, quân dân, tuổi tác, giới tính... Nó còn vượt cả không gian và

thời gian, ngẫu hứng lúc nào ca lúc ấy, phần khởi cũng ca, đau buồn cũng ca để giải tỏa nỗi niềm... đây tính dân gian là ở chỗ đó.

Ngày nay, phát huy tinh thần tự phát và tự giác của người xưa, hầu hết các thành viên trong giới ĐCTT hoạt động bằng tinh thần say mê nghệ thuật ca cầm, dù không có chế độ, chính sách ưu đãi. Đặc biệt, các tác giả sáng tác lời ca mới để có nội dung đáp ứng yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương, cũng như các chủ nhiệm thực hiện vai trò của mình mà không đòi hỏi thù lao, chế độ.

3.1.2. Tính truyền miệng:

Trong tính dân gian của ĐCTT còn có đặc điểm tính truyền miệng và mô phạm rất cao. Từ xưa, ĐCTT được truyền nghề theo kiểu truyền thống “cầm tay chỉ việc”, không có phương pháp sư phạm chính quy – chuyên nghiệp (ca – đờn), thậm chí không ít người học lóm mà rất tài giỏi.

Từ khi ĐCTT được quan tâm, đưa vào giảng dạy ở trường lớp chính quy – chuyên nghiệp, có hệ thống lý luận (lý thuyết – thực hành), nhưng đặc điểm tính mô phạm truyền thống vẫn là chủ đạo. Cụ thể các thể điệu trong nhạc Tài tử không thể ký âm pháp như solfège của nhạc phương Tây, mà Hồ – Xự – Xang – Xê – Công chỉ là những kí hiệu có tính tượng trưng. Người đờn, người ca chỉ dựa đó làm cơ sở để thuộc lòng, chứ không tài nào lấy 5 âm ấy mà xướng cho ra hồn như nhạc phương Tây.

Cái hồn khí nhạc và thanh nhạc đều nằm trong cái tâm của người diễn tấu và xướng ca. Nói khác đi, cái đỉnh của nghệ thuật ca – cầm là do năng khiếu bẩm sinh, cộng với sự rèn luyện và còn phải qua xúc cảm biểu đạt nữa thì mới đạt hiệu quả.

Trường lớp chỉ là cơ bản, nếu cơ bản kết hợp với phương pháp mô phạm truyền thống, cộng yếu tố bẩm sinh thì thành tuyệt vời. Điều đó có nghĩa, ở loại hình nghệ thuật này tính mô phạm truyền thống vẫn còn nguyên giá trị. Cụ thể những nghệ nhân ngày xưa phần đông là không biết chữ, kể cả những người khiếm thị, trẻ em, họ học đờn hay ca theo kiểu truyền miệng xướng âm theo hơi điệu; có người tự học lóm qua người khác cũng bằng con đường truyền miệng.

Ngày nay, người người đều biết chữ, đa số có học hành đàng hoàng, nhưng những bài ca Vọng cổ quen thuộc, một số thể điệu Tài tử họ cũng học qua cách truyền miệng cho nhau mau thuộc hơn là cầm học từ văn bản viết. Đây được xem là một trong những phương pháp mô phạm rất có hiệu quả trong việc truyền nghề ở địa hạt ĐCTT.

3.2. Tính Bác học trong Đờn ca Tài tử

Theo Từ điển Tiếng Việt, thuật ngữ bác học là để chỉ người có nhiều tri thức về một hay nhiều ngành khoa học. Mở rộng khái niệm, thuật ngữ bác học là sự uyên thâm, uyên bác, giỏi về chuyên môn, khoa học. Tính bác học là đặc điểm của hệ thống khoa học về ngành nghề hoặc lĩnh vực nào đó, mà thế giới gọi chung là tính hàn lâm, tức tính bác học.

Về khái niệm âm nhạc hàn lâm (Academic music) để phân biệt với âm nhạc đại chúng (Pop music) và âm nhạc dân gian (Folk music) là ở chỗ, âm nhạc hàn lâm là một bộ phận của nền âm nhạc mỗi quốc gia, được tiếp thu, chắt lọc và phát triển những thành tựu của truyền thống dân tộc và quốc tế.

3.2.1. Tính triết lý âm – dương và ngũ hành:

Đó là sự tương ứng giữa phép Ngũ hành – tư tưởng phương Đông và nhạc Ngũ cung – loại hình âm nhạc tiêu biểu của phương Đông, là nguồn gốc của nhạc Tài tử. Nó được thành lập một hệ thống bền vững với ba điệu thức cơ bản: Bắc – Nam – Oán; nhiều loại hơi điệu như: Bắc, Hạ, Oán, Xuân, Ai, Đảo, Ngự...; đó là 20 bản Tổ gồm: 6 Bắc, 7 Bắc lễ, 3 Nam và 4 Oán. Một hệ thống âm nhạc đầy đủ tính chất và cơ sở lý luận của một dòng nhạc.

Căn cứ vào kết quả nói trên, dựa theo quy luật và hệ thống tư tưởng triết học tiêu biểu của phương Đông (tư tưởng Không – Mạnh), sử dụng phương pháp so sánh – đối chiếu về tính triết lý của dòng nhạc này. Càn khôn (Thái cực đồ) = vũ trụ do Lưỡng nghi: Trời (dương +), đất (âm -) hợp thành; Lưỡng nghi sinh Tam tài (Thiên – Địa – Nhân), Tam tài sinh Ngũ hành (Kim – Mộc – Thủy – Hỏa – Thổ) biến hoá vạn vật trong vũ trụ; Tứ tượng sinh ra Bát quái (Càn – Khảm – Cấn – Chấn – Tốn – Ly – Khôn – Đoài) quy định cung – mệnh, có sinh tồn và có diệt vong, tức quy luật vận động của vật chất.

Nhạc Tài tử, tính âm – dương là nhịp thức cơ bản của loại hình, nhịp nội gọi là dương (+) và nhịp ngoại gọi là âm (-) ứng với Lưỡng nghi. Bên kia có Ngũ hành, nhạc Tài tử có Ngũ cung, bên kia có Tam tài thì nhạc Tài tử lại có Ba nam: Xuân ứng với Thiên (tức mùa Xuân của đất trời), Đảo ứng với Địa (đảo là quay ngược lại, cũng là đất ở hòn), Ai ứng với Nhân (nỗi bi ai hoặc ai oán của con người); Ngũ cung của nhạc Tài tử là Hồ – Xự – Xang – Xê – Cống ứng với Ngũ hành: Thủy – Mộc – Kim – Hỏa – Thổ. Ngũ hành sinh ra Bát quái rồi biến hoá vạn vật thì Ngũ cung có Bát ngự cũng biến hoá vạn năng, bằng hàng trăm thể điệu, muôn vạn chữ nhạc – âm sắc muôn màu... Đó là nguyên lý không thể khác được. Tính bác học và triết lý của nhạc Tài tử là như thế.

So sánh

Tư tưởng Không Mạnh	=	Âm nhạc Tài tử
Càn khôn – Lưỡng nghi	=	Nhịp nội (+) – nhịp ngoại (-)
Tam tài	=	Ba Nam
Tứ tượng	=	Tứ Oán
Ngũ hành	=	Ngũ cung
Bát quái	=	Bát ngự

Ngày nay, tính triết lý âm dương – ngũ hành vẫn còn có giá trị nhất định trong ĐCTT tính về nhịp điệu (ngoại – nội), các điệu thức và thể điệu đều được các nghệ nhân đờn phân tích khi truyền dạy học trò hoặc ứng dụng trong sáng tác bài bản ĐCTT.

3.2.2. tính thính phòng:

Nhạc thính phòng của phương Tây là một dòng âm nhạc chọn lọc cấp cao thường dành cho những giới trí thức thượng thư; đó là những buổi hòa nhạc ở cấp độ cao, mang tính chuyên nghiệp với các dòng nhạc cổ điển, hợp xướng và những bản giao hưởng... Nhạc Tài tử có những điệu thức cũng có thể so sánh những thuộc tính và học thuật không thua gì những tổ khúc, hợp xướng của nhạc

phương Tây. Chẳng hạn, trong điệu thức Nam (ba bản Nam): Xuân – Ai – Đảo, câu – lớp, nhịp thức, giai điệu không khác gì cấu trúc chương – khúc trong nhạc giao hưởng. Cũng đầy đủ tính cách, sắc thái, kịch tính trong âm nhạc. Bên giao hưởng, có nhạc trưởng chỉ huy, bên nhạc Tài tử có thầy đờn Kim giữ Song lang chỉ huy dàn nhạc. Tuy dàn nhạc của nhạc Tài tử lực lượng ít hơn, nhưng khi hòa tấu âm sắc đầy đặn, rộn ràng, uyển chuyển không thua gì tổng phổ hòa âm phối khí của bản giao hưởng...

Ngày nay, nhiều đô thị ứng dụng tính thính phòng, đưa ĐCTT vào phục vụ ở nhà hàng, khách sạn, quán nhậu (hát với nhau), một số cuộc họp, đại hội của khách VIP, quan chức... cũng tổ chức ĐCTT khi liên hoan âm thực. Không chỉ các nghệ

nhân ĐCTT biểu diễn phục vụ, mà quan khách nhiều người cũng tham gia ca cầm sành điệu. Điều này chứng tỏ rằng ĐCTT lúc này thoát khỏi tính dân gian, mà sinh hoạt hình thức thính phòng sang trọng với những đối tượng có trình độ, kiến thức nghệ thuật âm nhạc cao. Bởi lẽ, các nghệ nhân được mời đến đây đều là những hạt nhân tuyển chọn, còn khách là những người am hiểu có trình độ thưởng thức và cùng tham gia ca cầm.

3.2.3. Tính văn học dân tộc:

Trong tính bác học của ĐCTT còn phải kể đến tính văn học dân tộc, mà trong nền văn học dân tộc gồm hai bộ phận: Văn học dân gian (truyền khẩu) và văn học viết (thành văn – chữ viết). Nội dung ca từ của nhạc Tài tử được xuất hiện trong buổi đầu của chữ Quốc ngữ tương đối định hình, nhưng nó vẫn phát triển trên cơ sở văn học dân gian qua các thể loại, mà hò, lý, vè, tục ngữ, thành ngữ... được kết hợp sử dụng khá nhiều trong ca từ của nhạc Tài tử.

Cho đến khi chữ Quốc ngữ phát triển thì các nghệ nhân Tài tử tiên bối sử dụng chữ viết để sáng tác ca từ cho đến hôm nay. Hầu hết các tác phẩm ĐCTT ban đầu là khuyết danh, sau đó hàng loạt tác phẩm được viết bằng chữ Quốc ngữ có tên tác giả, phản ánh mọi ngõ ngách đời sống xã hội rất phong phú về mặt văn học dân tộc.

Nhờ tính văn học dân tộc mà hầu hết nội dung ca từ các thể điệu – bài bản phong phú, phản ánh, ca ngợi, cổ vũ nhiều lĩnh vực xã hội phát triển. Đặc biệt, những sáng tác lời ca mới ĐCTT có giá trị văn học cao phục vụ sâu sắc từng sự kiện lịch sử, chính trị và văn hóa xã hội ngày nay càng đa dạng, phong phú theo thời đại.

3.2.4. Tính ngôn ngữ dân tộc:

Ngôn ngữ dân tộc ở đây là tiếng Việt phổ thông (trừ tiếng dân tộc thiểu số và phương ngữ). Từ xưa nay, các tác giả sáng tác lời ca cho bài bản tài tử đều sử dụng ngôn ngữ dân tộc. Bởi tiếng Việt có những đặc trưng thuận lợi; đó là thanh điệu tạo nên vần điệu.

Trong 5 âm của nhạc Tài tử: Hò, Xự, Xang, Xê, Cống mỗi âm đều có mang một thanh điệu. Bên cạnh đó, các tác giả còn vận dụng quy luật bằng – trắc để sáng tác; đặc biệt là người ca phát âm phương ngữ Nam Bộ. Dựa vào tính ngôn ngữ dân tộc giúp người ca phát âm chuẩn xác về mặt ngữ âm trong âm nhạc, trong giới gọi là “tròn vành rõ tiếng” để biểu đạt cảm xúc, diễn cảm trong giọng điệu lời ca. Đặc biệt, các tác giả sáng tác lời

ca mới có cơ sở từ vựng và ngữ pháp soạn lời theo phong cách văn chương ca từ.

Như vậy, tính dân gian của ĐCTT gồm tính tự phát và tự giác là tiền đề cho việc sáng tạo và thụ hưởng sản phẩm của quần chúng; tính truyền miệng và mô phạm là phương thức bảo tồn và phát triển ĐCTT từ thế hệ này sang thế hệ khác. Tính bác học – hàn lâm bằng hình thức ca nhạc thính phòng nói lên tinh hoa của nền âm nhạc dân tộc kết tinh cùng nền âm nhạc nhân loại; tính triết lý âm dương – ngũ hành nói lên tư tưởng văn hóa dân tộc; tính văn học và ngôn ngữ dân tộc nói lên bản sắc văn hóa dân tộc. Những yếu tố đó làm rõ tính dân gian và bác học của ĐCTT, cũng như những giá trị đó khẳng định tính chất nghệ thuật chung của ĐCTT – một dòng nhạc dân tộc đầy đủ các thành tố học thuật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đỗ Dũng (2000). *Nhạc Tài tử Nam Bộ – 20 bài bản Tổ*. Nhà xuất bản Lao Động TP.HCM.
- [2] Đỗ Quốc Dũng và Nguyễn Văn Chiêu (2016). *Sự tương đồng và dị biệt giữa Đờn ca Tài tử và Cải lương, (song ngữ Việt – Anh)*. Nhà xuất bản Văn hóa – Văn nghệ TP.HCM.
- [3] Memart, Âm nhạc dân gian là gì? Tìm hiểu và phân tích sâu về âm nhạc truyền thống Việt Nam. Ngày truy cập: 01/08/2025. Truy cập tại: <https://memart.vn/tin-tuc/blog/tim-hieu-am-nhac-dan-gian-la-gi-va-nhung-dac-diem-co-ban-cua-no-vi-cb.html>
- [4] Báo Lạng Sơn, Phổ biến, truyền bá âm nhạc hàn lâm cho công chúng hiện nay. Ngày truy cập: 02/08/2025. Truy cập tại: <https://baolangson.vn/pho-bien-truyen-ba-am-nhac-han-lam-cho-cong-chung-hien-nay-1447523.html>